

Số: 10/QĐ-VKSHY

Hưng Yên, ngày 02 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư điều chỉnh số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ các Quyết định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Số 02/QĐ-VKSTC ngày 06/01/2026 về việc ủy quyền phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị trong ngành Kiểm sát nhân dân; số 267/QĐ-VKSTC ngày 30/12/2026 về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-VKSHY ngày 02/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2026;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Kế toán trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận: *ph*

- Viện KSND tối cao, Cục 3 (báo cáo);
- Lãnh đạo VKS tỉnh (biết);
- Văn phòng VKS tỉnh (thực hiện);
- Lưu: VT-KT.



Mai Văn Tuyền

Đơn vị: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên

Chương: 004

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐIỀU CHỈNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 10/QĐ-VKSHY ngày 02/02/2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐV tính: triệu đồng



Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó								
				VP VKS tỉnh	VKS Khu vực 1	VKS Khu vực 2	VKS Khu vực 3	VKS Khu vực 4	VKS Khu vực 5	VKS Khu vực 6	VKS Khu vực 7	VKS Khu vực 8
	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí											
I	Số thu phí, lệ phí											
1.1	Lệ phí											
	Lệ phí A											
	Lệ phí B											
1.2	Phí											
	Phí A											
	Phí B											
	Chi từ nguồn thu phí được để lại											
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại											
2.1	Chi sự nghiệp.....											
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
2.2	Chi quản lý hành chính											
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ											
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ											
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ											
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ											
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN											



Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó								
				VP VKS tỉnh	VKS Khu vực 1	VKS Khu vực 2	VKS Khu vực 3	VKS Khu vực 4	VKS Khu vực 5	VKS Khu vực 6	VKS Khu vực 7	VKS Khu vực 8
3.1	Lệ phí											
	Lệ phí A											
	Lệ phí B											
3.2	Phí											
	Phí A											
	Phí B											
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0,00	0,00	-420,51	140,17	0,00	140,17	0,00	140,17	0,00	0,00	0,00
I	Chi quản lý hành chính	0,00	0,00	-420,51	140,17	0,00	140,17	0,00	140,17	0,00	0,00	0,00
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0,00	0,00	-420,51	140,17	0,00	140,17	0,00	140,17	0,00	0,00	0,00
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ											
2	Nghiên cứu khoa học											
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ											
2.1												
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia											
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ											
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở											
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng											
2.2												
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
2.3												
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề											
3												

[illegible]

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó								
				VP VKS tỉnh	VKS Khu vực 1	VKS Khu vực 2	VKS Khu vực 3	VKS Khu vực 4	VKS Khu vực 5	VKS Khu vực 6	VKS Khu vực 7	VKS Khu vực 8
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
8.2	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn											
9	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
9.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
9.2	Chi sự nghiệp thể dục thể thao											
10	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
10.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
11	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia											
1	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)											
2	Chi Chương trình mục tiêu											
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)											